

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	168,218,584,801	237,549,922,869	860,862,741,828	1,062,953,420,772
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				1,614,200,500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		168,218,584,801	237,549,922,869	859,248,541,328	1,062,953,420,772
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	164,223,592,892	227,076,439,508	818,068,548,757	1,003,734,916,079
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3,994,991,909	10,473,483,361	41,179,992,571	59,218,504,693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,158,888,448	2,091,638,226	5,348,715,659	10,199,915,254
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	375,971,482	696,574,243	8,837,924,332	8,369,191,508
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		375,971,482		6,446,428,861	-
8. Chi phí bán hàng	24		6,509,477,530	9,114,206,611	31,609,207,093	40,745,470,604
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,297,533,462	2,819,724,753	11,191,405,762	11,834,079,326
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4,029,102,117)	(65,384,020)	(5,109,828,957)	8,469,678,509
11. Thu nhập khác	31		6,438,966,332	3,875,019,383	17,000,678,140	5,595,767,002
12. Chi phí khác	32		163,143,054	186,057,714	375,976,212	311,355,307
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6,275,823,278	3,688,961,669	16,624,701,928	5,284,411,695
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2,246,721,161	3,623,577,649	11,514,872,971	13,754,090,204
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	696,179,131	2,906,010,479	3,291,261,641	4,413,552,153
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30			-	566,429,500
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1,550,542,030	717,567,170	8,223,611,330	8,774,108,551
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Ghi chú:
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007: theo báo cáo kiểm toán tài chính năm 2007 là 4.979.981.653 đồng
thuế thu nhập doanh nghiệp quý I,II,III năm 2007: 2.073.971.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp quý IV năm 2007 là 2.906.010.479 đồng

Người lập biểu	Kế toán tr ưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Hằng		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
(Theo phương pháp trực tiếp)				
Quý IV năm 2008				
Đơn vị tính: VNĐ				
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Quý IV/2008	Quý IV /2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		853,874,146,627	1,050,924,299,714
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(659,298,223,568)	(1,042,393,595,801)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16,803,709,968)	(15,649,647,819)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(9,160,575,387)	(6,750,755,239)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4,588,948,331)	(4,685,392,791)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19,556,654,008	1,170,426,005,070
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(115,625,163,065)	(1,104,977,000,723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		67,954,180,316	46,893,912,411
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(55,128,090,696)	(12,534,502,092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	696,604,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(143,800,000,000)	(180,561,367,047)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80,092,860,888	169,723,354,946
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,076,216,369	1,663,557,183
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(117,759,013,439)	(21,012,353,010)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		49,326,771,500	51,004,813,738
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37,243,047,106)	(59,058,520,809)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12,083,724,394	(8,053,707,071)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(37,721,108,729)	17,827,852,330
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57,258,623,203	39,430,770,873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	19,537,514,474	57,258,623,203

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán tr ưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hằng